

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 354/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2018

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Nguyễn Ngọc Thành

2/- Ông Lê Thanh Sơn

T ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên là T ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2018/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm: 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Tổ A, ấp N, xã N, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P (T), sinh năm: 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 22/8/2018, biên bản hòa giải ngày 20/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng kết hôn vào ngày 19/10/2012 (âm lịch), hôn nhân do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P không chí thú làm ăn để chăm lo cho gia đình mà thường uống rượu, ăn chơi, cờ bạc thiếu nợ nhiều người bên ngoài, mỗi khi có uống rượu thì anh P hay chửi mắng và đánh

chị vô cố, ngoài ra anh P còn có người phụ nữ khác bên ngoài, chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh P vẫn không chịu sửa đổi, vợ chồng Tồng xảy ra cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 13/9/2013 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 27/10/2016. Hiện nay cháu T và cháu H đang sống cùng với vợ chồng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị có đủ khả năng để nuôi hai con, công việc hiện tại của chị là Giáo viên mầm non tại trường Mẫu Giáo B, thu nhập mỗi tháng là 5.530.000đ/tháng (năm triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Bên cạnh đó chị còn cho người khác vay tiền kiếm thêm thu nhập lo cho gia đình, mỗi tháng chị có thể có thêm khoảng 3.000.000đ – 4.000.000đ tiền lãi, ngoài ra cháu T rất sợ anh Pdo anh P mỗi khi nóng giận hay đánh cháu nên chị không yên tâm khi để anh P nuôi cháu T.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2018, biên bản hòa giải ngày 20/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Nguyễn Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị Lê Thị Mỹ D về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như chị D trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị D hay cư xử hờn hào với mẹ chồng, ngoài ra chị D có chơi số đề thiếu nợ nhiều người bên ngoài và có người đàn ông khác bên ngoài, vợ chồng không còn tin tưởng với nhau, anh có khuyên can nhiều lần nhưng chị D không chịu sửa đổi, vợ chồng có xảy ra cự cãi với nhau, trong lúc có uống rượu anh có chửi và đánh chị D, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay.

Nay trước yêu cầu ly hôn của chị D anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Mỹ D.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 13/9/2013 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 27/10/2016. Hiện nay cháu T và cháu H đang sống cùng với anh và chị D. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu T, còn cháu H thì anh đồng ý để chị D được tiếp tục nuôi con hoặc chị D nuôi cháu T anh nuôi cháu H, anh không cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Anh có đủ điều kiện nuôi con, thu nhập của anh đủ để nuôi cháu, hiện tại anh phụ bán quán cà phê “P”, địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, thời gian làm việc từ 10 giờ 30 phút đến 14 giờ (bán từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần), lương 3.000.000đ/tháng (ba triệu), ngoài ra anh không có thu nhập gì khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn P kết hôn vào ngày 19/10/2012 (âm lịch), hôn nhân do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị D và anh P chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, kéo dài cho đến tháng 6/2018 thì hai bên ly thân, thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn lại quan hệ tình cảm, qua hòa giải và tại phiên tòa cả hai đều xác định tình cảm không còn và xin được ly hôn, xét thấy qua xác minh mâu thuẫn khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của hai bên là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 13/9/2013 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 27/10/2016. Hiện nay cháu T và cháu H đang sống cùng với vợ chồng. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh P yêu cầu được nuôi cháu T, còn cháu H thì anh đồng ý để D được nuôi con, tại phiên tòa anh P trình bày nếu không nuôi được cháu T thì anh xin nuôi cháu H, nhưng không được phía chị D đồng ý. Xét thấy tuy chị D và anh P đều chứng minh mình có đủ điều kiện để nuôi con, song qua xác minh điều kiện nuôi con của chị D và anh P thì thấy: Chị D hiện nay đang là Giáo viên mầm non tại trường Mẫu Giáo B, có thu nhập ổn định hơn, ngoài tiền lương ra chị còn có thu nhập khác lo cho gia đình, Mặt khác cháu T là con gái nên giao cháu cho chị D chăm sóc sẽ tốt hơn, còn cháu H còn quá nhỏ dưới 36 tháng tuổi phải được giao cho mẹ nuôi theo quy định tại khoản 3 điều 81 luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và cũng không nên chia rẽ tình cảm chị em giữa cháu T và cháu H, do đó căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghĩ nên để chị D được tiếp tục nuôi hai con là phù hợp hơn.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Lê Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 9, 51, 53, 54, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn P.

- **Về con chung:** Chị Lê Thị Mỹ D được tiếp tục nuôi dưỡng hai con là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 13/9/2013 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 27/10/2016. Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh P, không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008567 ngày 06/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/10/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Những người tham gia tố tụng (đề thi hành);
- VKSND huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh An Giang;
- THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Kim Hoa

